ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN
Tham dự chương trình Hội thảo
Giới thiệu chương trình MB IT CUP

(Kèm theo thông báo số 25/CTSV, ngày 21 tháng 01 năm 2021)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp
1.	17020860	Nguyễn Việt Linh	21/1/1999	Nam	Phú Thọ	QH-2017-I/CQ-C-B
2.	17020877	Vũ Thị Thanh Mai	16/11/1999	Nữ	Thái Bình	QH-2017-I/CQ-C-B
3.	17020883	Tạ Văn Mạnh	4/2/1999	Nam	Hưng Yên	QH-2017-I/CQ-C-B
4.	17020892	Lại Đức Minh	10/2/1999	Nam	Hải Phòng	QH-2017-I/CQ-C-B
5.	17020034	Lê Tuấn Minh	1/9/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-B
6.	17020899	Nguyễn Văn Minh	28/8/1998	Nam	Phú Thọ	QH-2017-I/CQ-C-B
7.	17020905	Bùi Hoàng Nam	25/3/1999	Nam	Bắc Giang	QH-2017-I/CQ-C-B
8.	17020933	Nguyễn Thị Ngọc	2/12/1999	Nữ	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-B
9.	17020946	Đỗ Văn Nhị	16/10/1999	Nam	Hưng Yên	QH-2017-I/CQ-C-B
10.	17020954	Nguyễn Văn Phong	11/9/1999	Nam	Bắc Giang	QH-2017-I/CQ-C-B
11.	17020574	Nguyễn Đạt Ngọc Anh	23/5/1999	Nam	Quảng Ninh	QH-2017-I/CQ-C-C
12.	17020598	Vũ Ngọc Ánh	15/10/1999	Nam	Bắc Giang	QH-2017-I/CQ-C-C
13.	17020612	Phạm Văn Chính	13/6/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-C
14.	17020619	Nguyễn Thành Công	6/7/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-C
15.	17020626	Nguyễn Cao Cường	26/6/1997	Nam	Nghệ An	QH-2017-I/CQ-C-C
16.	17020645	Đào Văn Duy	23/3/1999	Nam	Phú Thọ	QH-2017-I/CQ-C-C
17.	17020095	Mai Duy Dương	13/9/1999	Nam	Thanh Hóa	QH-2017-I/CQ-C-C
18.	17020687	Phạm Ngọc Đông	12/8/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-C

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp
19.	17020696	Nguyễn Bá Đức	19/7/1999	Nam	Nghệ An	QH-2017-I/CQ-C-C
20.	17020181	Lẻo Thị Thu Hà	24/10/1998	Nữ	Hà Giang	QH-2017-I/CQ-C-C
21.	17020656	Nguyễn Thái Dương	27/10/1999	Nam	Thái Bình	QH-2017-I/CQ-C-D
22.	17020666	Vũ Mạnh Đan	17/11/1999	Nam	Ninh Bình	QH-2017-I/CQ-C-D
23.	17020670	Lê Quốc Đạt	1/12/1999	Nam	Thanh Hóa	QH-2017-I/CQ-C-D
24.	17020675	Nguyễn Chí Đạt	11/8/1999	Nam	Bắc Ninh	QH-2017-I/CQ-C-D
25.	17020688	Bùi Huỳnh Đức	20/12/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-D
26.	17020697	Nguyễn Minh Đức	14/1/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-D
27.	17020708	Nguyễn Ngọc Giỏi	27/12/1999	Nữ	Hải Dương	QH-2017-I/CQ-C-D
28.	17020724	Nguyễn Thu Hằng	4/4/1999	Nữ	Phú Thọ	QH-2017-I/CQ-C-D
29.	17020725	Phan Thị Thanh Hằng	1/10/1999	Nữ	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-D
30.	17020729	Đoàn Duy Hiển	20/3/1999	Nam	Ninh Bình	QH-2017-I/CQ-C-D
31.	17020613	Lò Văn Chọi	11/12/1999	Nam	Lai Châu	QH-2017-I/CQ-C-E
32.	17020620	Chu Minh Cương	19/12/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-E
33.	17020633	Ninh Hồng Diệp	30/11/1999	Nữ	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-E
34.	17020641	Đỗ Xuân Dũng	19/2/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-E
35.	17020647	Lê Cảnh Duy	13/8/1997	Nam	Lạng Sơn	QH-2017-I/CQ-C-E
36.	17020652	Bùi Nguyễn Minh Dương	26/11/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-E
37.	17020658	Nguyễn Xuân Dương	12/12/1999	Nam	Hải Dương	QH-2017-I/CQ-C-E
38.	17020676	Nguyễn Văn Đạt	15/3/1999	Nam	Hưng Yên	QH-2017-I/CQ-C-E
39.	17020680	Cao Quý Đăng	17/1/1999	Nam	Vĩnh Phúc	QH-2017-I/CQ-C-E
40.	17020693	Đặng Mạnh Đức	8/6/1999	Nam	Thanh Hóa	QH-2017-I/CQ-C-E
41.	17020648	Nguyễn Trung Duy	23/6/1999	Nam	Vĩnh Phúc	QH-2017-I/CQ-C-F
42.	17020653	Cao Thị Thùy Dương	28/8/1999	Nữ	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-F

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp
43.	17020659	Phạm Ích Dương	4/12/1999	Nam	Bắc Ninh	QH-2017-I/CQ-C-F
44.	17020672	Mai Thành Đạt	14/4/1999	Nam	Bắc Giang	QH-2017-I/CQ-C-F
45.	17020677	Phạm Tiến Đạt	18/8/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-F
46.	17020681	Lê Hải Đăng	8/12/1999	Nam	Phú Thọ	QH-2017-I/CQ-C-F
47.	17020692	Đào Anh Đức	26/4/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-F
48.	17020731	Đinh Thế Hiệp	28/10/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-F
49.	17020739	Nghiêm Minh Hiếu	20/8/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-F
50.	17020748	Nguyễn Trung Hiếu	15/1/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-F
51.	17020732	Hà Đức Hiệp	24/4/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-G
52.	17020740	Nguyễn Danh Hiếu	7/8/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-G
53.	17020749	Nguyễn Trung Hiếu	5/11/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-G
54.	17020765	Lương Văn Hoàng	2/6/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-G
55.	17020773	Phạm Duy Hoàng	7/8/1999	Nam	Phú Thọ	QH-2017-I/CQ-C-G
56.	17020779	Lê Viết Hoành	26/4/1999	Nam	Thanh Hóa	QH-2017-I/CQ-C-G
57.	17020183	Hoàng Việt Hùng	23/10/1998	Nam	Lạng Sơn	QH-2017-I/CQ-C-G
58.	17020790	Nguyễn Mạnh Hùng	18/5/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-G
59.	17020797	Lê Quang Huy	20/7/1999	Nam	Ninh Bình	QH-2017-I/CQ-C-G
60.	17020815	Nguyễn Quang Hưng	11/12/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-G
61.	17020826	Phạm Đức Khả	13/10/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-G
62.	17020835	Nguyễn Duy Khánh	11/7/1999	Nam	Nghệ An	QH-2017-I/CQ-C-G
63.	17020651	Đặng Thị Duyên	11/8/1999	Nữ	Hà Tĩnh	QH-2017-I/CQ-C-H
64.	17020660	Trần Hải Dương	15/8/1995	Nam	Hải Phòng	QH-2017-I/CQ-C-H
65.	17020667	Nguyễn Thị Đào	21/12/1999	Nữ	Thái Bình	QH-2017-I/CQ-C-H
66.	17020674	Ngô Văn Đạt	30/10/1999	Nam	Bắc Giang	QH-2017-I/CQ-C-H

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp
67.	17020679	Trần Tiến Đạt	17/7/1999	Nam	Vĩnh Phúc	QH-2017-I/CQ-C-H
68.	17020682	Trịnh Xuân Đinh	2/10/1999	Nam	Hà Nam	QH-2017-I/CQ-C-H
69.	17020690	Dương Cao Đức	16/2/1999	Nam	Vĩnh Phúc	QH-2017-I/CQ-C-H
70.	17020699	Phạm Minh Đức	24/10/1999	Nam	Hưng Yên	QH-2017-I/CQ-C-H
71.	17020849	Đặng Quang Liêm	2/9/1999	Nam	Phú Thọ	QH-2017-I/CQ-C-K
72.	17020866	Phạm Đức Long	10/9/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-K
73.	17020871	Nguyễn Đức Lộc	13/11/1999	Nam	Hải Dương	QH-2017-I/CQ-C-K
74.	17020882	Phạm Hùng Mạnh	29/9/1999	Nam	Thanh Hóa	QH-2017-I/CQ-C-K
75.	17020896	Nguyễn Ngọc Minh	18/5/1999	Nam	Thanh Hóa	QH-2017-I/CQ-C-K
76.	17020903	Giàng Văn Mừng	21/1/1999	Nam	Lai Châu	QH-2017-I/CQ-C-K
77.	17020910	Nguyễn Hữu Nam	13/10/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-C-K
78.	17020918	Phan Phương Nam	16/8/1999	Nam	Thái Bình	QH-2017-I/CQ-C-K
79.	17020931	Nguyễn Khắc Ngọc	8/8/1999	Nam	Thanh Hóa	QH-2017-I/CQ-C-K
80.	17020937	Phạm Thị Thảo Nguyên	7/10/1999	Nữ	Ninh Bình	QH-2017-I/CQ-C-K
81.	17020668	Đào Trọng Đạt	16/3/1999	Nam	Hưng Yên	QH-2017-I/CQ-C-L
82.	17020684	Hoàng Văn Định	20/1/1999	Nam	Bắc Ninh	QH-2017-I/CQ-C-L
83.	17020685	Lê Quý Đôn	4/1/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-L
84.	17020701	Trần Tiến Đức	3/12/1997	Nam	Thái Bình	QH-2017-I/CQ-C-L
85.	17020706	Nguyễn Trường Giang	11/2/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-C-L
86.	17020726	Phan Công Hậu	8/8/1999	Nam	Vĩnh Phúc	QH-2017-I/CQ-C-L
87.	17020735	Nguyễn Quang Hiệp	3/4/1999	Nam	Thái Bình	QH-2017-I/CQ-C-L
88.	17020743	Nguyễn Mạnh Hiếu	5/9/1999	Nam	Vĩnh Phúc	QH-2017-I/CQ-C-L
89.	17020751	Trần Trung Hiếu	26/5/1999	Nam	Vĩnh Phúc	QH-2017-I/CQ-C-L
90.	17020759	Phí Xuân Hoàn	22/1/1999	Nam	Phú Thọ	QH-2017-I/CQ-C-L

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp
91.	17021170	Bùi Thị Minh Anh	16/11/1999	Nữ	Nam Định	QH-2017-I/CQ-T
92.	17021171	Nguyễn Thành Đức	25/8/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-T
93.	17021172	Nguyễn Thị Hà	20/3/1999	Nữ	Bắc Ninh	QH-2017-I/CQ-T
94.	17021173	Lê Quang Hưng	7/7/1998	Nam	Hải Dương	QH-2017-I/CQ-T
95.	17021174	Phan Hữu Hưng	25/12/1999	Nam	Vĩnh Phúc	QH-2017-I/CQ-T
96.	17021176	Đồng Ngọc Long	20/2/1999	Nam	Hải Dương	QH-2017-I/CQ-T
97.	17021177	Phạm Thiên Long	13/11/1999	Nam	Hà Nội	QH-2017-I/CQ-T
98.	17021178	Trần Trường Thủy	23/5/1999	Nam	Nam Định	QH-2017-I/CQ-T
99.	18020359	Lê Anh Dũng	29/10/2000	Nam	Hà Nội	QH-2018-I/CQ-C-B
100.	18020364	Nguyễn Mạnh Dũng	22/9/2000	Nam	Hà Nội	QH-2018-I/CQ-C-B
101.	18020369	Phạm Mạnh Dũng	22/2/2000	Nam	Hải Phòng	QH-2018-I/CQ-C-B
102.	18020014	Đắc Tùng Dương	7/1/2000	Nam	Hưng Yên	QH-2018-I/CQ-C-B
103.	18020263	Lương Thế Đại	6/11/2000	Nam	Thái Nguyên	QH-2018-I/CQ-C-B
104.	18020291	Nguyễn Thành Đạt	2/6/2000	Nam	Bắc Giang	QH-2018-I/CQ-C-B
105.	18020331	Bùi Đăng Đức	30/7/2000	Nam	Quảng Ninh	QH-2018-I/CQ-C-B
106.	18020341	Trần Mạnh Đức	6/10/2000	Nam	Hà Nam	QH-2018-I/CQ-C-B
107.	18020432	Hoàng Văn Giáp	1/1/2000	Nam	Thái Bình	QH-2018-I/CQ-C-B
108.	18020525	Nguyễn Xuân Hòa	19/10/2000	Nam	Hà Nội	QH-2018-I/CQ-C-B
109.	18020535	Đào Minh Hoàn	28/7/2000	Nữ	Hải Phòng	QH-2018-I/CQ-C-B
110.	18020576	Đinh Lê Hoàng	14/10/2000	Nam	Hà Tĩnh	QH-2018-I/CQ-C-B
111.	18020220	Nguyễn Ninh Chi	6/20/2000	Nữ	Hưng Yên	QH-2018-I/CQ-C-C
112.	18020261	Nguyễn Cao Cường	1/5/2000	Nam	Nghệ An	QH-2018-I/CQ-C-C
113.	18020380	Lê Tuấn Dũng	8/16/2000	Nam	Thanh Hóa	QH-2018-I/CQ-C-C
114.	18020361	Nguyễn Quốc Dũng	7/10/2000	Nam	Hà Nội	QH-2018-I/CQ-C-C

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp
115.	18020400	Vũ Đức Dương	3/19/2000	Nam	Thái Bình	QH-2018-I/CQ-C-C
116.	18020274	Bạch Trọng Đạo	4/4/2000	Nam	Nghệ An	QH-2018-I/CQ-C-C
117.	18020293	Vũ Trọng Đạt	5/15/2000	Nam	Hưng Yên	QH-2018-I/CQ-C-C
118.	18020345	Đỗ Trung Đức	4/3/2000	Nam	Thái Bình	QH-2018-I/CQ-C-C
119.	18020329	Vũ Minh Đức	3/28/2000	Nam	Tuyên Quang	QH-2018-I/CQ-C-C
120.	18020445	Đào Minh Hải	1/29/2000	Nam	Lào Cai	QH-2018-I/CQ-C-C
121.	18020310	Vũ Thị Dịu	10/29/2000	Nữ	Thái Bình	QH-2018-I/CQ-C-D
122.	18020371	Ngô Đức Dũng	4/5/2000	Nam	Bắc Giang	QH-2018-I/CQ-C-D
123.	18020384	Trần Quốc Dũng	5/11/2000	Nam	Hà Tĩnh	QH-2018-I/CQ-C-D
124.	18020265	Nguyễn Đức Quốc Đại	7/27/2000	Nam	Bắc Ninh	QH-2018-I/CQ-C-D
125.	18020351	Nguyễn Văn Đức	2/5/2000	Nam	Thanh Hóa	QH-2018-I/CQ-C-D
126.	18020342	Vũ Trọng Đức	2/1/2000	Nam	Nam Định	QH-2018-I/CQ-C-D
127.	18020469	Trần Thị Hoa Hiên	3/21/2000	Nữ	Thái Bình	QH-2018-I/CQ-C-D
128.	18020482	Nguyễn Minh Hiếu	3/24/2000	Nam	Hà Nội	QH-2018-I/CQ-C-D
129.	18020530	Đỗ Thị Thu Hoài	9/13/2000	Nữ	Bắc Ninh	QH-2018-I/CQ-C-D
130.	18020560	Lê Việt Hoàng	3/4/2000	Nam	Bắc Giang	QH-2018-I/CQ-C-D
131.	18020244	Trần Văn Công	11/22/2000	Nam	Hòa Bình	QH-2018-I/CQ-C-E
132.	18020257	Lê Mạnh Cường	11/30/2000	Nam	Hưng Yên	QH-2018-I/CQ-C-E
133.	18020252	Nguyễn Mạnh Cường	7/19/2000	Nam	Hà Nội	QH-2018-I/CQ-C-E
134.	18020299	Nông Thị Diễm	10/1/2000	Nữ	Tuyên Quang	QH-2018-I/CQ-C-E
135.	18020383	Nguyễn Trí Dũng	4/24/2000	Nam	Hà Tĩnh	QH-2018-I/CQ-C-E
136.	18020419	Nguyễn Hùng Duy	5/29/2000	Nam	Thanh Hóa	QH-2018-I/CQ-C-E
137.	18020399	Bùi Xuân Dương	9/8/2000	Nam	Nam Định	QH-2018-I/CQ-C-E
138.	18020297	Nguyễn Thành Đạt	3/27/2000	Nam	Thanh Hóa	QH-2018-I/CQ-C-E

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp
139.	18020010	Phạm Khắc Đạt	5/19/2000	Nam	Hải Dương	QH-2018-I/CQ-C-E
140.	18020316	Vũ Văn Đông	4/29/1999	Nam	Nam Định	QH-2018-I/CQ-C-E
141.	19020216	Đỗ Thị Hồng Ánh	7/1/2001	Nữ	Bắc Giang	QH-2019-I/CQ-C-B
142.	19020221	Nguyễn Lương Bằng	16/8/2001	Nam	Lào Cai	QH-2019-I/CQ-C-B
143.	19020226	Lê Trần Lâm Bình	27/1/2001	Nam	Lâm Đồng	QH-2019-I/CQ-C-B
144.	19020231	Vương Văn Chính	14/2/2001	Nam	Bắc Giang	QH-2019-I/CQ-C-B
145.	19020176	Lương Thành Công	26/8/2000	Nam	Nghệ An	QH-2019-I/CQ-C-B
146.	19020261	Nguyễn Thị Dung	22/2/2001	Nữ	Bắc Ninh	QH-2019-I/CQ-C-B
147.	19020153	Nông Lương Đức	5/1/2000	Nam	Cao Bằng	QH-2019-I/CQ-C-B
148.	19020276	Khuất Văn Hải	30/8/2001	Nam	Lâm Đồng	QH-2019-I/CQ-C-B
149.	19020281	Trần Thị Hiền	5/1/2001	Nữ	Ninh Bình	QH-2019-I/CQ-C-B
150.	19020291	Bùi Xuân Hiếu	3/3/2001	Nam	Thái Bình	QH-2019-I/CQ-C-B
151.	19020362	Nguyễn Đức Mạnh	10/6/2001	Nam	Hải Dương	QH-2019-I/CQ-C-C
152.	19020081	Nguyễn Quang Minh	20/10/2001	Nam	Hà Nội	QH-2019-I/CQ-C-C
153.	19020377	Nguyễn Như Nam	31/3/2001	Nam	Hưng Yên	QH-2019-I/CQ-C-C
154.	19020382	Đặng Thị Hà Ngân	22/1/2001	Nữ	Thanh Hóa	QH-2019-I/CQ-C-C
155.	19020387	Đinh Thanh Nhàn	2/7/2001	Nữ	Hà Nội	QH-2019-I/CQ-C-C
156.	19020167	Chu Trường Phi	19/10/2000	Nam	Cao Bằng	QH-2019-I/CQ-C-C
157.	19020018	Trịnh Hữu Gia Phúc	13/1/2001	Nam	Thanh Hóa	QH-2019-I/CQ-C-C
158.	19020397	Tạ Viết Phương	3/1/2001	Nam	Ninh Bình	QH-2019-I/CQ-C-C
159.	19020407	Hoàng Minh Quang	13/4/2001	Nam	Thanh Hóa	QH-2019-I/CQ-C-C
160.	19020402	Nguyễn Đắc Anh Quang	13/10/2001	Nam	Hà Nội	QH-2019-I/CQ-C-C
161.	20020186	Phùng Văn An	15/7/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-C-C
162.	20020254	Dương Hùng Anh	6/9/2002	Nam	Hải Dương	QH-2020-I/CQ-C-C

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp
163.	20020327	Lê Đức Anh	9/12/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-C-C
164.	20020187	Nguyễn Thị Minh Anh	25/10/2002	Nữ	Hải Dương	QH-2020-I/CQ-C-C
165.	20020188	Tăng Thế Anh	23/8/2002	Nam	Thanh Hoá	QH-2020-I/CQ-C-C
166.	20020097	Nguyễn Xuân Bách	17/10/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-C-C
167.	20020364	Nguyễn Xuân Bách	19/12/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-C-C
168.	20020366	Trần Thị Kim Bắc	5/10/2002	Nữ	Hà Nam	QH-2020-I/CQ-C-C
169.	20020190	Bùi Thế Công	12/12/2002	Nam	Phú Thọ	QH-2020-I/CQ-C-C
170.	20020374	Đặng Ngọc Cường	19/5/2002	Nam	Phú Thọ	QH-2020-I/CQ-C-C
171.	20020484	Nguyễn Thị Trang	10/7/2002	Nữ	Bắc Giang	QH-2020-I/CQ-C-C
172.	20020486	Phạm Thị Kiều Trang	20/6/2002	Nữ	Thái Bình	QH-2020-I/CQ-C-C
173.	20020267	Vũ Hà Minh Trang	21/10/2002	Nữ	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-C-C
174.	20020268	Trần Quang Trung	29/8/2002	Nam	Quảng Ninh	QH-2020-I/CQ-C-C
175.	20020184	Nguyễn Quang Trường	28/11/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-C-C
176.	20020494	Phạm Đức Tú	10/5/2002	Nam	Nam Định	QH-2020-I/CQ-C-C
177.	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	20/5/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-C-C
178.	20020270	Nguyễn Thanh Tùng	8/12/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-C-C
179.	20021286	Lê Tuấn Anh	25/1/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-N-CLC
180.	20021287	Lê Tuấn Anh	15/5/2002	Nam	Thanh Hóa	QH-2020-I/CQ-N-CLC
181.	20021293	Phạm Tuấn Anh	13/9/2002	Nam	Nghệ An	QH-2020-I/CQ-N-CLC
182.	20021295	Trần Đức Anh	10/9/2002	Nam	Hà Nam	QH-2020-I/CQ-N-CLC
183.	20020123	Trần Thị Phước Anh	16/11/2002	Nữ	Hà Tĩnh	QH-2020-I/CQ-N-CLC
184.	20020129	Đàm Nguyệt Ánh	14/8/2002	Nữ	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-N-CLC
185.	20020328	Nguyễn Thái Bình	27/11/2000	Nam	Hải Phòng	QH-2020-I/CQ-N-CLC
186.	20020076	Nguyễn Trung Dũng	6/1/2002	Nam	Thanh Hóa	QH-2020-I/CQ-N-CLC

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp
187.	20020124	Nguyễn Tuấn Dũng	4/9/2002	Nam	Yên Bái	QH-2020-I/CQ-N-CLC
188.	20021317	Nguyễn Vĩnh Dũng	23/4/2002	Nam	Nghệ An	QH-2020-I/CQ-N-CLC
189.	20021320	Bùi Thùy Dương	7/12/2002	Nữ	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-T-CLC
190.	20020356	Lê Hoàng Đại Dương	25/11/1999	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-T-CLC
191.	20021321	Nguyễn Hoàng Dương	7/12/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-T-CLC
192.	20021330	Nguyễn Hồng Đăng	17/2/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-T-CLC
193.	20021337	Nguyễn Minh Đức	1/12/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-T-CLC
194.	20020100	Nguyễn Tiến Đức	16/12/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-T-CLC
195.	20021338	Nguyễn Văn Đức	15/9/2002	Nam	Bắc Giang	QH-2020-I/CQ-T-CLC
196.	20021342	Nguyễn Ngọc Hải	8/12/2002	Nam	Hưng Yên	QH-2020-I/CQ-T-CLC
197.	20021345	Phạm Kim Minh Hằng	10/5/2002	Nữ	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-T-CLC
198.	20021351	Dương Hiếu	21/9/2002	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-T-CLC
199.	20020135	Dương Danh Hiếu	11/5/2002	Nam	Bắc Ninh	QH-2020-I/CQ-T-CLC
200.	20021352	Đặng Minh Hiếu	18/12/2001	Nam	Hà Nội	QH-2020-I/CQ-T-CLC

Danh sách ấn định 200 sinh viên./.